

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu bất động sản, vận tải - kho bãi với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCS, POW

## [Cập nhật công ty]

PNJ, HPG, GMD, PVD

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể kết hợp trái lệnh mua, mở thêm 1 phần tỷ trọng trading quay vòng trong các nhịp điều chỉnh

11/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,284.41	-0.49
VN30	1,308.30	-0.21
HĐTL VN30F1M	1,305.00	-0.45
HNXIndex	246.41	+0.34
HNX30	548.52	+0.51
UPCoM	98.95	-0.61
USD/VND	25,444	+0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.81	+1
Lãi suất qua đêm (%)	4.42	+46
Dầu (WTI, \$)	77.59	-0.19
Vàng (LME, \$)	2,303.81	-0.31



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,284.41 (-0.49%)  
**KLGD (triệu CP)** 859.3 (+16.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 999.1 (+17.5%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu bất động sản, vận tải - kho bãi với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 1,845 tỷ đồng, tập trung tại FPT (+1.74%), VHM (-1.93%), HPG (-0.68%).

**HNXIndex** 246.41 (+0.34%)  
**KLGD (triệu CP)** 87.0 (-2.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 69.4 (+9.2%)

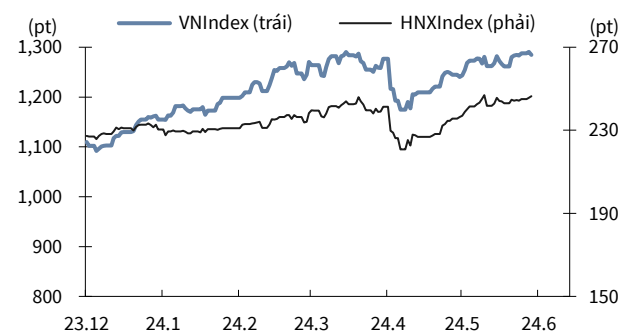
Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản gửi các tổ chức tín dụng nhằm yêu cầu các ngân hàng tiếp tục phấn đấu giảm lãi suất cho vay thêm 1-2%/năm nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp. Cổ phiếu nhóm Ngân hàng giảm giá ở VCB (-0.91%), BID (-0.63%).

**UPCoM** 98.95 (-0.61%)  
**KLGD (triệu CP)** 72.0 (-13.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 47.3 (+11.0%)

Thị trường căn hộ chung cư Hà Nội tháng 5/2024 không còn hiện tượng tăng giá như trong quý I/2024, ghi nhận các giao dịch giảm mạnh. Cổ phiếu nhóm BĐS giảm giá ở NVL (-3.40%), VHM (-1.93%).

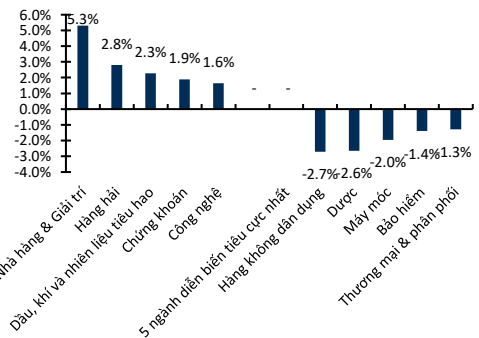
**ĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -73.5

## VNIndex & HNXIndex



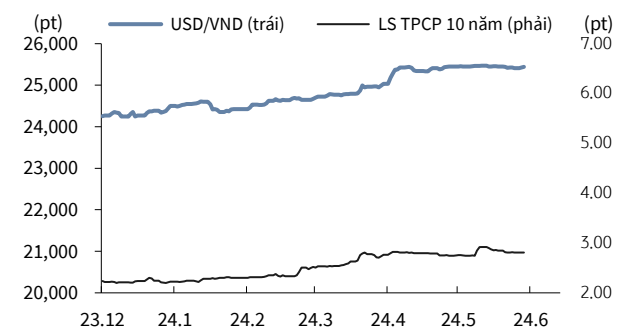
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



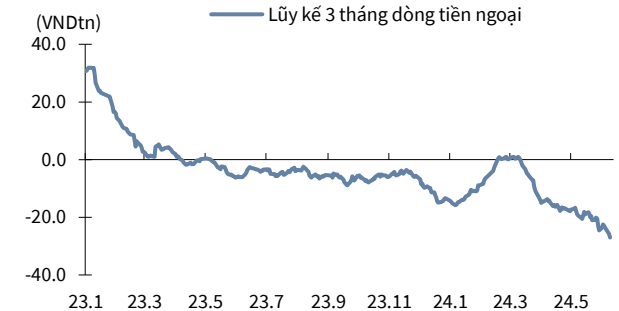
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

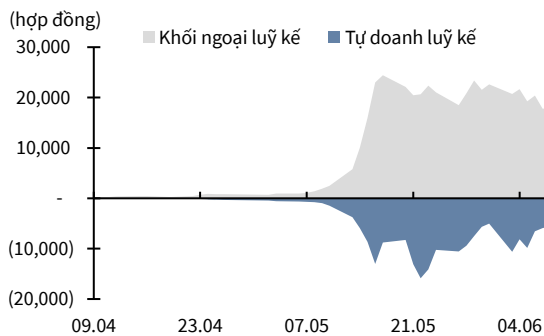
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,308.30 (-0.21%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,305.0 (-0.45%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,315.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,315.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,300.3</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>220,312 (+28.4%)</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại mức cao nhất phiên 3.9 điểm, sau đó đảo chiều và biến động quanh -2 điểm và đóng cửa tại -3.3 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

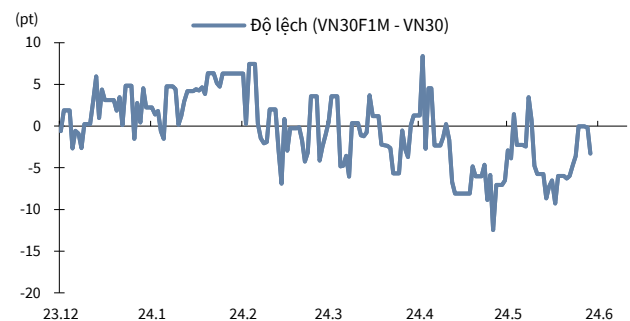
Khối ngoại bán ròng 346 HĐTL VN30F2406 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,726 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 1,310 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 6,154 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



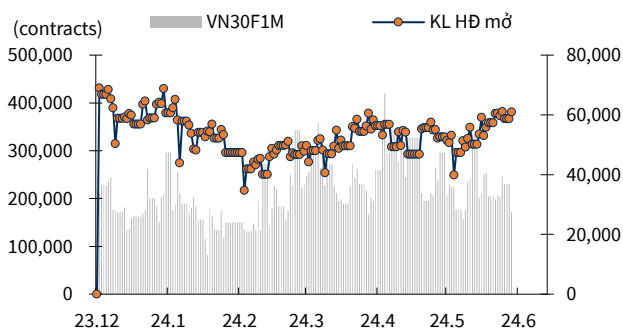
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



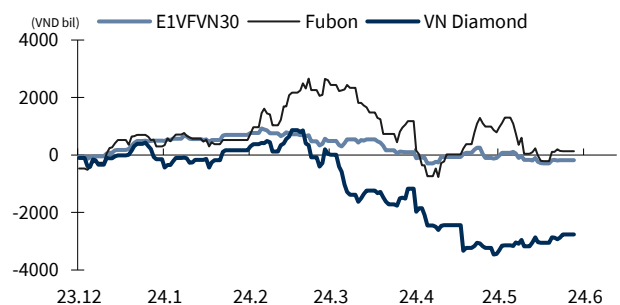
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

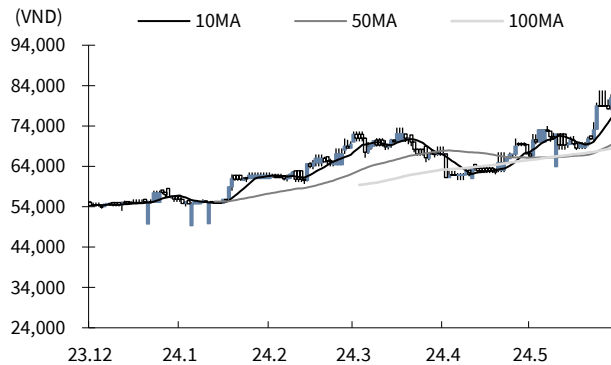
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

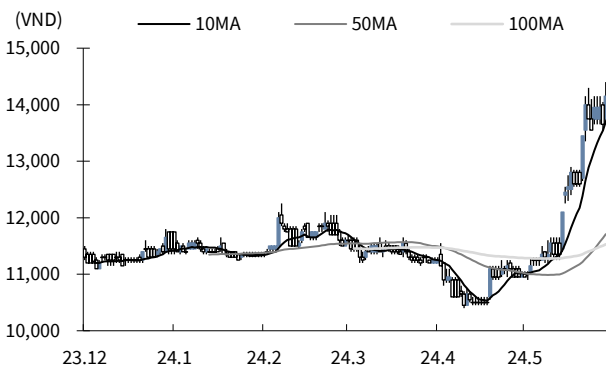
## CTCP Vicostone (VCS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCS tăng 3.45% lên 81,000 VND/cp
- CTCP Vicostone vừa công bố nghị quyết thông qua mức tạm ứng và thời gian chi trả cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 20% (1 cổ phiếu nhận được 2,000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là 20/6, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 19/6. Ngày thanh toán dự kiến là 28/6. Với 160 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty cần chi 320 tỷ đồng trả cổ tức.

## Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 3.66% lên 14,150 VND/cp
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP cho biết trong tháng 5, doanh thu bán điện các nhà máy đạt 3,320 tỷ đồng, giảm nhẹ chưa tới 1% so với cùng kỳ năm ngoái với sự đóng góp chính từ nhà máy Cà Mau 1&2 và Vũng Áng 1. Luỹ kế 5 tháng, doanh thu của PV Power ước đạt 12,753 tỷ đồng, giảm hơn 7% YoY. Về kế hoạch kinh doanh tháng 6, PV Power đặt mục tiêu tổng sản lượng hơn 1.55 tỷ kWh và doanh thu 2,934 tỷ.

# Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) Kỳ vọng thị trường vàng ổn định trở lại

11/06/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang  
giangnt1@kbsec.com.vn  
(+84) 24-7303-5333

## Thị trường vàng sôi động, PNJ lập kỷ lục doanh thu

Kết thúc Q1/2024, PNJ ghi nhận doanh thu thuần đạt kỷ lục 12,594 tỷ đồng (+28.6% YoY) nhờ thị trường vàng sôi động. Lợi nhuận gộp đạt 2,149 tỷ đồng tương ứng biên LNG đạt 17.1%, giảm 2.3ppts YoY do mảng vàng miếng có biên lợi nhuận rất nhỏ nhưng lại gia tăng tỷ trọng lớn trong kỳ này. LNST đạt 738 tỷ giảm nhẹ 1.4% YoY, đạt 35% kế hoạch cả năm.

## Vàng 24K tăng mạnh nhờ thị trường sôi động trong bối cảnh giá vàng liên tục lập đỉnh

Doanh thu vàng 24K đạt hơn 5,100 tỷ đồng, tăng 68% YoY do giá vàng liên tục lập đỉnh, thị trường vàng sôi động đồng thời PNJ cũng ra mắt nhiều bộ sản phẩm 24K mang tính thẩm mỹ cao cho ngày Vía Thần Tài, thu hút nhiều lượt khách hàng mới.

## Bán lẻ trang sức duy trì tăng trưởng, kỳ vọng giá vàng bình ổn giúp bán lẻ trang sức hưởng lợi

Doanh thu bán lẻ trang sức đạt hơn 6,300 tỷ đồng, tăng 13% YoY. Mặc dù không mở mới nhiều cửa hàng trong quý 1, bán lẻ trang sức vẫn tiếp tục duy trì tăng trưởng nhờ PNJ liên tục nghiên cứu sản phẩm, triển khai các chương trình marketing và chương trình bán hàng hiệu quả. Kỳ vọng thời gian tới giá vàng bình ổn sẽ có tác động tích cực tới bán lẻ trang sức. Doanh thu bán sỉ cũng tăng nhẹ do thị trường vàng ấm trở lại giúp lượng đơn đặt hàng cũng gia tăng.

## Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 109,500 VND/cổ phiếu

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2024 của PNJ với doanh thu thuần đạt 37,914 tỷ đồng (+14.4% yoy), LNST đạt 2,238 tỷ đồng (+13.5% yoy). Với kỳ vọng thị trường vàng bình ổn hơn giúp giá vàng hạ nhiệt cùng với duy trì tăng trưởng tích cực của mảng bán lẻ trang sức, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ với giá mục tiêu 109,500 VND/cổ phiếu.

## MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu	VND 109,500
Tăng/giảm (%)	16%
Giá hiện tại (10/06/2024)	VND 94,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 107,900
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	32.0/1.3

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	86.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	159.2/6.3
Sở hữu nước ngoài (%)	49.0%
Cổ đông lớn	VIETFUND (9.16%)

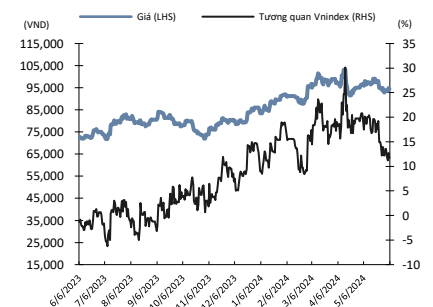
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1.6	-0.6	17.9	29.7
Tương đối	-5.0	-2.3	3.8	13.8

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	33,876	33,137	40,411	41,707
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	2,338	2,485	2,685	3,117
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,811	1,971	2,118	2,461
EPS (VND)	7,358	8,008	8,604	9,996
Tăng trưởng EPS (%)	76.8%	8.8%	7.4%	16.2%
P/E (x)	17.4	16.0	14.9	12.8
P/B (x)	3.7	3.2	2.8	2.5
ROE (%)	25%	22%	20%	21%
Tỷ suất cổ tức (%)	2.5%	2.3%	1.9%	1.9%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

## Vững vàng tăng trưởng

11/06/2024

**LNST 1Q2024 vượt kỳ vọng nhờ biên lãi gộp duy trì ở vùng cao**

**Kỳ vọng nhu cầu tiêu thụ nội địa hồi phục mạnh mẽ hơn từ 2H2024**

**Kỳ vọng giá thép quay trở lại xu hướng tăng trong 2H2024**

**Dung Quất 2 đi vào hoạt động từ 1Q2025**

**Khuyến nghị MUA với HPG, giá mục tiêu 34,300 VND/cổ phiếu**

### MUA duy trì

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>VND 34,300</b>
Tăng/giảm (%)	17%
Giá hiện tại (10/06/2024)	VND 29,300
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 34,700
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	525.6/206.8

#### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Doanh số thuần (tỷ VND)	141,409	118,953	133,374	153,377
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	9,794	7,651	11,618	16,358
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	8,484	6,835	10,218	13,904
EPS (VND)	1,459	1,175	1,598	2,174
Tăng trưởng EPS (%)	-81%	-19%	36%	36%
P/E (x)	12.3	25.7	18.3	13.5
P/B (x)	1.1	1.7	1.7	1.6
ROE (%)	9%	7%	10%	12%
Tỷ suất cổ tức (%)	3.9%	0.0%	9.1%	0.0%

Nguồn: FiinProX, KBSV

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyễn

[nguyenn1@kbsec.com.vn](mailto:nguyenn1@kbsec.com.vn)

(+84) 24-7303-5333

HPG ghi nhận 2,869 tỷ VND LNST trong 1Q2024 (-3% QoQ, +622% YoY) nhờ (1) sản lượng tiêu thụ tăng 29% YoY, với động lực chính trong kỳ từ kênh xuất khẩu, (2) biên lãi gộp tăng 716bps so với nền thấp cùng kỳ nhờ quản trị hàng tồn kho hiệu quả, vòng quay tồn kho trong 1Q2024 đạt 120 ngày (so với 134 ngày trong 1Q2023).

Số liệu tiêu thụ T4/2024 cho thấy nhu cầu tiêu thụ nội địa đang có dấu hiệu hồi phục tốt khi tiêu thụ thép xây dựng, thép ống tăng lần lượt 51%/78% MoM. Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu nội địa dần gia tăng sẽ là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính của HPG khi lĩnh vực Bất động sản Dân cư dần quay trở lại từ 2H2024 trở đi. KBSV kỳ vọng tiêu thụ thép của HPG tăng 18%/12% trong 2024/2025.

KBSV duy trì quan điểm ngành thép đang ở giai đoạn đầu của chu kỳ mới và kỳ vọng giá thép sẽ quay trở lại tăng từ 2H2024 nhờ (1) nhu cầu tiêu thụ nội địa hồi phục, (2) Bất động sản Trung Quốc vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, nhu cầu tiêu thụ thép gia tăng trở lại.

Tiến độ xây dựng của Dung Quất 2 hiện tại vẫn đang theo kế hoạch và dự kiến sẽ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2025, lò cao đầu tiên đi vào hoạt động với công suất thiết kế 2.3 triệu tấn/năm.

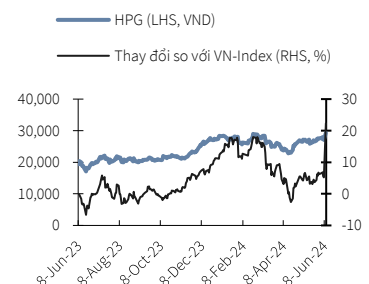
Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA với HPG, giá mục tiêu 34,300 VND/cổ phiếu, P/B forward 2025 là 1.6x (thấp hơn trung bình 5 năm) với triển vọng tăng trưởng trung, dài hạn vững vàng. CAGR LSNT 2024-2026 ước tính đạt 21%/năm.

#### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	55%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	20.3/0.8
Sở hữu nước ngoài (%)	25.2%
Cổ đông lớn	
Trần Đình Long	25.8%

#### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5.8	6.4	16.4	40.7
Tương đối	2.2	2.9	1.6	24.2



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# CTCP Gemadept (GMD)

## Khởi cảng phía Nam phục hồi mạnh mẽ

10/06/2024

1Q2024, doanh thu thuần của GMD ghi nhận 1,006 tỷ VNĐ (+11% yoy), LNST đạt 656 tỷ VNĐ (+157% yoy).

Sản lượng GMD tiếp tục đà phục hồi đến cuối năm, dự kiến tổng sản lượng 2024 ở mức 3.3 – 3.5 triệu Teu (tăng 10 – 12% so với 2023)

Giá cước dịch vụ tại khu vực phía Bắc và phía Nam của GMD dự kiến tăng trưởng lần lượt ở mức 5% và 7-10% so với mức trung bình của 2023

Khuyến nghị MUA – Giá mục tiêu 100,600 VNĐ/cổ phiếu

## Mua duy trì

Giá mục tiêu	VND 100,600
Tăng/giảm (%)	15.8%
Giá hiện tại (10/06/2024)	VND 86,900
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 88,600
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VNĐ/ tỷ USD)	27.0/1.1

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	3,898	3,846	4,132	4,511
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	1,309	3,160	1,969	1,914
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VNĐ)	994	2,222	1,490	1,513
EPS (VNĐ)	3,034	7,119	4,869	4,872
Tăng trưởng EPS (%)	62%	135%	-32%	0%
P/E (x)	28.6	12.2	17.8	17.8
P/B (x)	3.3	2.7	2.6	1.9
ROE (%)	15%	26%	16%	12%
Tỷ suất cổ tức (%)	2%	3%	2%	2%

Nguồn: Fiiipro, KBSV

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh

[anhntn@kbsec.com.vn](mailto:anhntn@kbsec.com.vn)

(+84) 24-7303-5333

1Q2024, doanh thu thuần của GMD đạt 1,006 tỷ VNĐ (+11% yoy), hoàn thành hơn 25% doanh thu kế hoạch đề ra. Trong đó, hoạt động cốt lõi khai thác cảng đóng góp 843 tỷ VNĐ (+29% yoy). LNST 1Q2024 của GMD tăng đến 157% yoy đạt 656 tỷ VNĐ do GMD đã ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường hơn 335 tỷ VNĐ từ thương vụ thoái vốn Cảng Nam Hải trong 1Q2024.

Sản lượng qua toàn hệ thống cảng GMD 2024 dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng 10 – 12% so với 2023 do (1) triển vọng tích cực của hoạt động xuất nhập khẩu từ nay đến cuối năm, (2) các tuyến dịch vụ mới liên tục được triển và (3) năng lực khai thác các cảng của GMD liên tục được cải thiện.

Trong 1Q2024, GMD đã có sự điều chỉnh tăng giá cước dịch vụ trên toàn hệ thống cảng ở mức từ 3 – 10% tùy loại dịch vụ. Cùng với việc Thông tư 39/2023/TT-BGTVT về việc điều chỉnh khung giá dịch vụ cảng biển có hiệu lực từ 15/2/2014, dự địa tăng giá cước cảng biển của GMD đã được nới rộng hơn. Giá cước dịch vụ tại phía Bắc và phía Nam của GMD dự kiến tăng trưởng lần lượt ở mức 5% và 7-10% so với mức trung bình của 2023.

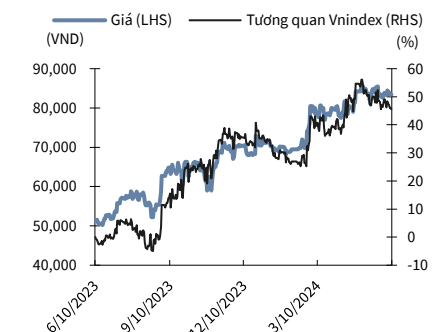
Dựa trên triển vọng doanh nghiệp và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GMD với mức giá mục tiêu là 100,600 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 15.8% so với giá đóng cửa ngày 10/06/2024.

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	97.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	148.6/5.9
Sở hữu nước ngoài (%)	47.5%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (9.6%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2	4	18	67
Tương đối	-5	3	3	43



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Khoan & DV Dầu khí (PVD)

## Kỳ vọng tăng trưởng mạnh trong năm 2024

11/06/2024

 Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu  
[hieupm@kbsec.com.vn](mailto:hieupm@kbsec.com.vn)

**Kết quả kinh doanh 1Q2024 cải thiện mạnh so với cùng kỳ**

Doanh thu 1Q2024 tăng mạnh 43.1% yoy. Mảng dịch vụ khoan tăng 27% yoy nhờ tăng giá cước 34% yoy và phát sinh thêm doanh thu từ giàn đi thuê. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 19.4% lên 25.7% chủ yếu nhờ giá cước tăng mạnh trong khi cấu phần chi phí khấu hao trong giá vốn ước giảm 11.0% yoy.

**Hiệu suất hoạt động của giàn tự nâng toàn cầu vẫn đang có xu hướng tăng mạnh**

Chúng tôi duy trì quan điểm rằng hiệu suất vẫn sẽ duy trì ở mức cao ít nhất trong 2 năm tới trong bối cảnh số giàn tự nâng trên 30 tuổi đang chiếm tới 32% tổng số giàn, trong khi số lượng đơn đặt hàng đóng mới/tổng số giàn (orderbook/fleet) chỉ chiếm 3.9% (năm 2014 đạt 31.1%). Giá cước thuê giàn tự nâng theo đó cũng được kỳ vọng duy trì ở mức cao trong giai đoạn này.

**Điều chỉnh kế hoạch mua giàn khoan mới nhưng kỳ vọng vẫn có thể đi vào vận hành từ 1Q2025**

PVD có kế hoạch đầu tư 90 triệu USD cho 1 giàn tự nâng khoảng 10 năm tuổi dự kiến được đưa vào khai thác ngay từ đầu năm 2025. Hiện PVD đã phải chuyển mục tiêu sang một giàn khác do thời gian tái khởi động của mục tiêu ban đầu là quá dài, dẫn đến khó có thể đảm bảo đúng tiến độ cho khách hàng. Chúng tôi vẫn kỳ vọng PVD có thể đưa giàn khoan mới vào hoạt động trong 1Q2025.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu là 38,100 VND/cổ phiếu**

Chúng tôi sử dụng kết hợp phương pháp chiết khấu dòng tiền doanh nghiệp (FCFF) để đưa ra khuyến nghị MUA cho cổ phiếu PVD với mức giá mục tiêu là 38,100 VND/cổ phiếu, tương đương với upside 18.7% so với giá đóng cửa 32,100 VND/cổ phiếu ngày 11/06/2024.

## Mua duy trì

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>38,100</b>
Tăng/giảm (%)	18.7%
Giá hiện tại (11/06/2024)	VND 32,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 36,100
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	17.7/0.7

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	46.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	200.3/8.0
Sở hữu nước ngoài (%)	16.9%
Cổ đông lớn	PVN (50.5%)

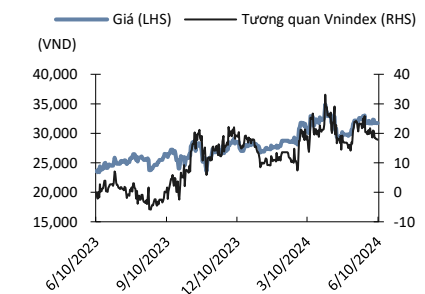
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1.4	2.9	11.2	34.3
Tương đối	-4.8	-0.3	-3.3	18.1

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,432	5,812	7,069	8,402
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	30	907	1,421	2,089
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	-103	579	908	1,454
EPS (VND)	-250	803	1,632	2,614
Tăng trưởng EPS (%)	594	-421	103	60
P/E (x)	-127.20	39.60	19.49	12.17
P/B (x)	1.27	1.20	1.15	1.08
ROE (%)	-1.1	3.6	5.8	8.8
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chỉ báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

### Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1330 (+10)

Kháng cự gần: 130x

Hỗ trợ gần: 1270 (+5)

Hỗ trợ xa: 124x

Sau các nỗ lực vượt đỉnh bất thành, chỉ số đã cho thấy sự suy yếu trên diện rộng hơn với sức ép lớn nhất đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Mặc dù vậy, biên độ điều chỉnh giá tăng vẫn chưa kích hoạt trạng thái bán tháo mạnh và lực cầu chủ động bắt đáy vẫn xuất hiện trở lại, giúp VNIndex tránh được một phiên giảm sâu. Nhiều khả năng thị trường sẽ chịu áp lực rung lắc trong những phiên tới, tuy nhiên cơ hội vượt ngưỡng kháng cự tâm lý 1300 để tiến tới vùng cản trung hạn quanh 1330 (+10) vẫn đang được bỏ ngỏ. NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, có thể kết hợp trải lệnh mua, mở thêm 1 phần tỷ trọng trading quay vòng trong các nhịp điều chỉnh.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

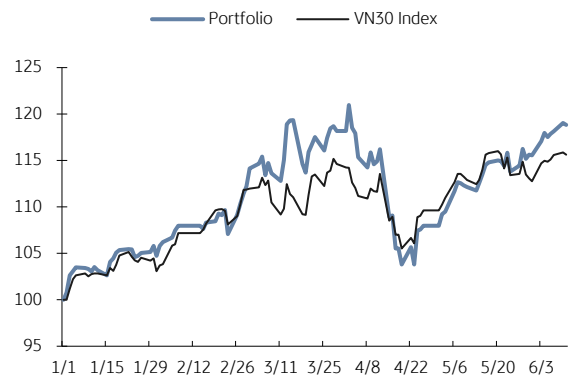
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.21%	-0.16%
Tăng lũy kế (YTD)	15.63%	18.84%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	146,500	1.7%	18.3%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,800	-1.4%	1.2%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	87,200	-0.9%	-11.2%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	94,300	-0.3%	0.3%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phát (HPG)	03/06/2024	29,100	-0.7%	1.0%	- KQKD chạm đáy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	31,200	0.3%	11.0%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	39,000	0.5%	7.1%	- Nhu cầu trồng trọt toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	26,550	0.2%	7.3%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	80,300	0.0%	-0.7%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	62,300	-1.1%	11.3%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	3.0%	17.8%	71.2
HAH	2.6%	5.6%	49.2
POW	3.7%	4.3%	30.3
SAB	-0.2%	60.7%	30.3
CSV	2.1%	3.6%	19.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FPT	1.7%	48.7%	-260.0
VHM	-1.9%	16.8%	-214.1
HPG	-0.7%	22.9%	-203.9
TCB	0.9%	22.3%	-118.9
VNM	-1.0%	50.6%	-107.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	2.1%	1.9%	8.0
IDC	-0.2%	23.2%	7.9
TIG	9.4%	10.0%	7.7
VCS	3.5%	2.1%	4.3
LAS	0.9%	3.2%	2.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	-2.1%	1.7%	-2.1
PVS	0.9%	20.7%	-1.7
IDJ	-2.6%	1.2%	-1.0
TNG	-0.7%	20.9%	-0.7
PVB	-1.3%	1.3%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	11.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Đồ uống	9.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Công nghệ	5.1%	FPT, CMG, ELC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	4.5%	AST, VNG, DSN, DAH
Nước	3.8%	BWE, TDM, SII, CLW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-4.3%	TMS, SCS, STG, ASG
Máy móc	-3.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng không dân dụng	-2.7%	VJC, HVN
Tiện ích điện	-2.6%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	-2.0%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	36.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Đồ uống	16.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phụ tùng oto	15.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Công nghệ	12.0%	FPT, CMG, ELC
Bảo hiểm	11.8%	BVH, MIG, BIC, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-5.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Bao bì & đóng gói	-2.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	-2.1%	VCB, BID, VPB, TCB
Hàng không dân dụng	-1.6%	VJC, HVN
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-0.8%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
						P/E (X)		23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	111,931 (4.4)	22.5	48.9	-	14.7	2.9	-2.5	1.5	1.6	-0.6	-2.0	-4.0	-3.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	316,803 (12.4)	26.6	5.4	4.9	35.9	16.0	15.8	0.8	0.7	-1.9	-3.2	-5.5	-11.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	168,203 (6.6)	17.8	12.1	10.5	-7.6	10.7	10.7	1.2	1.1	-1.8	-1.8	-3.6	-6.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	228,131 (9.0)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-6.4	0.8	0.8	-3.4	-4.1	4.8	-16.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	129,953 (5.1)	11.6	33.8	31.1	13.7	6.5	7.6	1.9	1.9	-0.3	-0.8	3.3	18.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	134,053 (5.3)	13.9	71.4	42.4	-	2.4	2.7	1.1	1.1	-0.6	-3.2	-1.8	-14.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	148,988 (5.9)	6.3	14.2	12.1	11.7	19.2	18.2	2.4	2.0	-0.9	-1.7	-5.2	8.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	85,735 (3.4)	12.7	12.4	10.7	-5.3	18.8	19.2	1.9	1.6	-0.6	-0.5	-3.5	9.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	484,059 (19.0)	0.0	7.9	6.5	14.3	16.3	17.6	1.2	1.0	0.9	3.7	1.8	55.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	323,164 (12.7)	1.4	8.6	6.5	50.3	16.6	18.7	1.2	1.0	-0.9	1.2	1.1	22.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	275,812 (10.8)	0.0	9.9	7.8	18.8	11.2	12.9	1.0	1.0	1.4	0.5	-1.1	-4.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	380,909 (15.0)	0.0	5.6	4.8	14.6	22.1	22.2	1.1	1.0	-0.4	0.2	-0.2	20.9
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	162,762 (6.4)	4.2	5.4	4.5	23.3	24.4	23.2	1.2	1.0	-1.5	-1.7	-0.6	16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	400,356 (15.7)	14.0	6.6	4.8	26.5	18.8	21.5	1.1	0.9	0.3	4.2	13.0	11.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	133,323 (5.2)	0.0	4.4	3.6	37.4	16.5	17.7	1.1	0.9	-0.8	0.8	0.6	4.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	233,146 (9.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-3.1	-2.8	7.4	3.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	48,814 (1.9)	21.0	19.8	16.5	15.8	7.8	9.0	-	-	-1.4	-0.4	12.2	15.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	15,468 (0.6)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-2.5	-6.5	6.3	18.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	519,625 (20.4)	55.4	22.1	18.8	-3.2	12.3	13.0	2.3	2.3	1.3	1.1	1.0	9.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	270,848 (10.6)	71.9	28.1	26.9	-4.0	12.7	11.6	2.3	2.6	4.9	3.9	6.8	19.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	230,220 (9.0)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.4	0.2	3.2	23.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	293,110 (11.5)	27.2	13.1	12.9	36.3	11.7	12.0	1.5	1.3	-0.6	-1.4	-2.9	-9.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,905 (9,900)	278,861 (11.0)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.3	29.5	4.3	4.2	-1.0	0.8	0.0	-1.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	92,642 (3.6)	36.9	20.3	19.2	7.3	17.9	18.7	3.6	3.5	-0.1	10.1	17.4	7.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	477,256 (18.8)	16.5	61.9	29.5	-51.9	7.3	12.2	3.6	3.2	-1.7	-2.2	7.1	13.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,410 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.9	13.3	20.6	7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	105,429 (4.1)	11.0	30.1	19.8	-88.5	11.5	17.0	3.4	2.9	-2.9	-2.4	-9.5	-2.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	157,284 (6.2)	10.8	20.0	20.9	-57.0	14.9	13.3	2.6	2.4	-1.0	1.8	2.9	22.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	98,231 (3.9)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-1.1	-2.5	3.3	0.6
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	60,406 (2.4)	48.0	28.6	23.5	26.2	28.6	30.6	7.0	5.9	0.0	-0.8	2.9	44.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	343,688 (13.5)	37.7	44.7	19.7	-14.4	6.8	5.2	-	-	-2.7	-2.5	7.1	-1.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	117,675 (4.6)	3.6	22.0	17.1	-52.4	3.7	4.3	0.9	0.9	-0.3	1.6	8.8	7.8
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	63,460 (2.5)	0.0	10.3	8.3	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.3	-0.3	-0.8	8.0	25.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	133,711 (5.3)	46.1	16.6	15.7	-17.5	16.6	16.4	2.7	2.6	0.0	-0.6	6.4	6.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	25,120 (1.0)	31.4	-	25.6	-10.5	2.0	5.1	1.7	1.7	-0.9	-2.1	4.3	-6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	14,942 (0.6)	34.1	7.6	6.1	-5.1	15.6	18.6	-	-	-0.6	-4.0	-1.3	6.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	773,683 (30.4)	18.0	14.9	10.5	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	-0.7	-0.7	5.1	14.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	158,120 (6.2)	36.5	20.3	16.3	-0.5	6.4	7.9	1.3	1.3	0.5	1.0	15.0	17.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	236,000 (9.3)	46.5	12.0	11.7	-4.5	15.0	16.9	2.0	1.9	1.3	1.7	13.6	21.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	267,317 (10.5)	38.9	17.8	12.6	67.9	8.1	10.1	1.4	1.4	1.3	5.0	17.7	6.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	81,592 (3.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.4	-6.3	3.2	19.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	106,665 (4.2)	4.6	16.6	15.4	-51.0	12.0	12.2	2.0	1.8	3.0	3.6	7.7	25.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	176,284 (6.9)	39.9	20.1	11.3	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	0.9	-0.5	-0.2	13.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	194,426 (7.6)	35.9	10.3	8.7	2.2	12.3	12.8	1.4	1.3	-2.5	2.8	5.9	31.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	564,985 (22.2)	0.0	26.2	19.0	14.4	14.2	16.6	3.4	3.0	-1.1	-2.4	5.8	45.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	137,619 (5.4)	0.0	15.0	13.0	2.4	21.1	21.2	2.8	2.5	-0.3	-0.5	-3.3	9.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	15,555 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.9	7.4	0.0	-17.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	133,225 (5.2)	30.3	118.5	45.7	-75.2	9.6	23.4	13.2	10.7	0.0	0.9	4.9	61.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,687 (1.3)	34.6	22.5	19.7	41.2	10.3	11.3	2.5	2.4	-1.6	0.8	6.1	26.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,377 (0.2)	45.4	16.5	15.4	10.7	19.5	19.2	3.2	3.2	-1.2	-3.6	3.0	13.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	657,615 (25.8)	0.0	24.6	20.1	15.5	27.9	28.4	4.9	4.1	1.7	5.3	11.8	52.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán**

**Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm**  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích**  
linhpp@kbsec.com.vn

### **Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng**

**Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích**  
nguyennd1@kbsec.com.vn

### **Bán lẻ & Hàng tiêu dùng**

**Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích**  
giangnt1@kbsec.com.vn

### **Bất động sản khu công nghiệp & Logistics**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích**  
anhntn@kbsec.com.vn

### **Dầu khí & Hóa Chất**

**Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích**  
hieupm@kbsec.com.vn

**Khối phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### **Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích**  
uyenvt@kbsec.com.vn

**Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích**  
tienss@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích**  
thuannd@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ**  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ**  
huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&amp;17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu****(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành****(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.